

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA**



**BÀI GIẢNG VỀ
SUTTANTAMĀTIKĀ – MẪU ĐỀ KINH**

Room Daltalk: PhatgiaonamtruyenNT

THỜI GIAN: 22.09.2023 – 08.12.2023

GIẢNG SƯ: THẦY KING MILANDA – FB ĐẶNG HUY HOÀNG

Trình bày sơ đồ: FB ChauNguyen

SUTTANTAMĀTIKĀ – MẪU ĐỀ KINH

42 NHỊ ĐỀ KINH

1. VIJJĀBHĀGINO DHAMMĀ, AVIJJĀBHĀGINO DHAMMĀ.

- Các pháp phần minh, các pháp phần vô minh

2. VIJJŪPAMĀ DHAMMĀ, VAJIRŪPAMĀ DHAMMĀ.

- Các pháp ví dụ điển chớ, các pháp ví dụ sấm sét

3. BĀLĀ DHAMMĀ, PAṄḌITĀ DHAMMĀ.

- Các pháp ngu nhân, các pháp hiền trí

4. KAṆHĀ DHAMMĀ, SUKKĀ DHAMMĀ.

- Các pháp hắc, các pháp bạch

5. TAPANĪYĀ DHAMMĀ, ATAPANĪYĀ DHAMMĀ.

- Các pháp viêm, các pháp phi viêm

6. ADHIVACANĀ DHAMMĀ, ADHIVACANAPATHĀ DHAMMĀ.

- Các pháp định danh, các pháp cách thức định danh

7. NIRUTTI DHAMMĀ, NIRUTTIPATHĀ DHAMMĀ.

- Các pháp ngôn ngữ, các pháp cách thức ngôn ngữ

8. PAÑÑATTI DHAMMĀ, PAÑÑATTIPATHĀ DHAMMĀ.

- Các pháp chế định, các pháp cách thức chế định

9. NĀMAÑCA, RŪPAÑCA.

- Danh và sắc

10. AVIJJĀCA, BHAVATAṆHĀCA.

- Vô minh và hữu ái

11. BHAVADIṬṬHICA, VIBHAVADIṬṬHICA.

- Hữu kiến và phi hữu kiến

12. SASSATADIṬṬHICA, UCCHEDADIṬṬHICA.

- Thường kiến và đoạn kiến

13. ANTAVĀ DIṬṬHICA, ANANTAVĀ DIṬṬHICA.

- Hữu biên kiến và vô biên kiến

**42 NHỊ
ĐỀ KINH**

14. PUBBANTĀNUDIṬṬHICA, APARANTĀNUDIṬṬHICA.

- Hữu tiền kiến và Hữu hậu kiến

15. AHIRIKAÑCA, ANOTTAPPAÑCA.

- Vô tâm và Vô úy

16. HIRĪCA, OTTAPPAÑCA.

- Tàm và Úy

17. DOVACASSATĀCA, PĀPAMITTATĀCA.

- Sự khó dạy và Có bạn ác

18. SOVACASSATĀCA, KALYĀṆAMITTATĀCA.

- Sự dễ dạy và Có bạn lành

19. ĀPATTIKUSALATĀCA, ĀPATTIVUṬṬHĀNAKUSALATĀCA.

- Thiện xảo về tội và Thiện xảo về xuất tội

20. SAMĀPATTIKUSALATĀCA, SAMĀPATTIVUṬṬHĀNAKUSALATĀCA

- Thiện xảo về nhập định và Thiện xảo về xuất định

21. DHĀTUKUSALATĀCA, MANASIKĀRAKUSALATĀCA.

- Thiện xảo về giới, Thiện xảo về tác ý

22. ĀYATANAKUSALATĀCA, PAṬICCASAMUPPĀDAKUSALATĀCA

- Thiện xảo về xứ, và Thiện xảo về y tương sinh

23. ṬHĀNAKUSALATĀCA, AṬṬHĀNAKUSALATĀCA.

- Thiện xảo về vị trí và Thiện xảo về phi vị trí

24. AJJAVOCA, MADDAVOCA.

- Chánh trực và Nhu thuận

25. KHANTICA, SORACCAÑCA.

- Nhẫn nại và Nghiêm tịnh

26. SĀKHALYAÑCA, PAṬISANTHĀROCA.

- Cam ngôn và Tiếp đãi

27. INDRIYESUAGUTTADVĀRATĀCA, BHOJANE AMATTAÑÑUTĀCA

- Không phòng hộ môn quyền và Không tiết độ vật thực

28. INDRIYESU GUTTADVĀRATĀCA, BHOJANE MATTAÑÑUTĀCA.

- Phòng hộ môn quyền và Tiết độ vật thực

**42 NHỊ
ĐỀ KINH**

29. MUṬṬHASACCAÑCA, ASAMPAJAÑÑAÑCA.

- Thất niệm và Không tỉnh giác

30. SATICA, SAMPAJAÑÑAÑCA.

- Niệm và Tỉnh giác

31. PAṬISAÑKHĀNABALAÑCA, BHĀVANĀBALAÑCA.

- Giác sát lực và Tu tiến lực

32. SAMATHOCA, VIPASSANĀCA.

- Chỉ tịnh và Quán minh

33. SAMATHANIMITTAÑCA, PAGGĀHANIMITTAÑCA.

- Chỉ tịnh ấn chứng và Cần cố ấn chứng

34. PAGGĀHOCA, AVIKKHEPOCA.

- Cần cố và Bất phóng dật

35. SĪLAVIPATTICA, DIṬṬHIVIPATTICA.

- Giới suy vong và Kiến suy vong

36. SĪLASAMPADĀCA, DIṬṬHISAMPADĀCA.

- Giới mãn túc và Kiến mãn túc

37. SĪLAVISUDDHICA, DIṬṬHIVISUDDHICA.

- Giới tịnh và Kiến tịnh

38. DIṬṬHIVISUDDHIKHOPANA, YATHĀDIṬṬHISSA CA PADHĀNAṀ.

- Kiến tịnh kiên cố, Tinh tấn của kiến tịnh

39. SAṀVEGOCA SAṀVEJANIYESU ṬHĀNESU, SAṀVIGGASSA CA YONISO PADHĀNAṀ.

- Tứ khổ năng duyên khổ quán, Tinh tấn thiện xảo năng duyên

40. ASANTUṬṬHITĀCA KUSALESU DHAMMESU, APPAṬIVĀNITĀ CA PADHĀNASMIṀ.

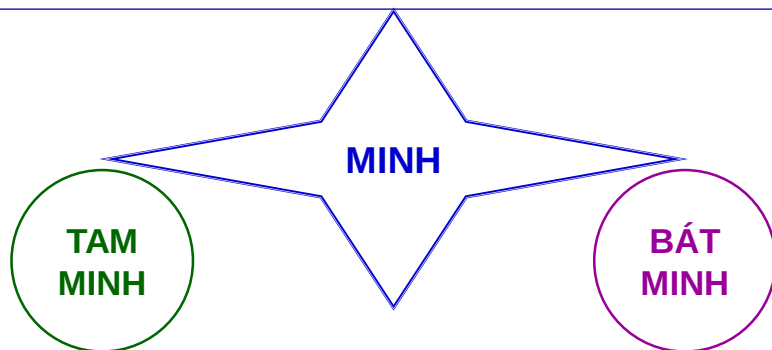
- Thái độ không tri túc thiện pháp và Thái độ không thối thất tinh cần.

41. VIJĀCA, VIMUTTICA.

- Minh và Giải thoát.

42. KHAYEÑĀNAṀ, ANUPPĀDE ÑĀṆANTI.

- Trí đoạn tận và Trí vô sanh



**1. Túc mạng minh -
PUBBENIVĀSĀNUSSATIÑĀṆA**

Trí nhớ biết được các đời sống quá khứ của mình

**2. Sanh tử minh -
CUTŪPAPĀTAÑĀṆA**

Trí thông biết rõ sự sanh tử của chúng sanh theo duyên nghiệp.
(Thiên nhãn minh -
Dibbacakkhuñāṇa)

**3. Lậu tận minh -
ĀSAVAKKHAYAÑĀṆA**

Trí đoạn trừ các lậu hoặc, đặc chứng lậu tận minh, là thành tựu quả vị A-la-hán

**1. Tuệ quán minh -
VIPASSANAÑĀṆA**

Trí minh sát

**2. Ý hóa minh -
MANOMAYIDDHIÑĀṆA**

1 thân biến nhiều thân

**3. Biến hóa minh -
IDDHIVIDHIÑĀṆA**

Thần thông biến hóa, thăng thiên, độn thổ ...

**4. Thiên nhĩ minh -
DIBBASOTAÑĀṆA**

Nghe rất xa, tế, thanh âm chư thiên..

**5. Tha tâm minh -
CETOPARIYAÑĀṆA**

Biết tâm người khác

**6. Túc mạng minh -
PUBBENIVĀSĀNUSSATIÑĀṆA**

Biết tiền kiếp chính mình

**7. Thiên nhãn minh -
DIBBACAKKHUÑĀṆA**

Thấy sắc chư thiên, sắc tế hoặc có thể thấy biết sự sanh tử của chúng sanh

**8. Lậu tận minh -
ĀSAVAKKHAYAÑĀṆA**

Trí đoạn tận các lậu hoặc

NHỊ ĐỀ PHẦN MINH

Chiết bán mà hữu dư

**1/ VIJJĀBHĀGINO DHAMMĀ,
AVIJJĀBHĀGINO DHAMMĀ.**

Các pháp phần minh, Các pháp phần vô minh

1a/ CÁC PHÁP PHẦN MINH

VIJJĀBHĀGINO DHAMMĀ

+ **TÂM: 15 tâm** (gồm 4 tâm thiện DG hợp trí, 4 tâm duy tác DG hợp trí, 2 tâm thông, 5 tâm tứ đạo)

+ **TÂM SỞ: 37 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH – ts Tuệ quyền)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
PHẦN
MINH
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + Thọ uẩn: tâm sở Thọ hợp với 15 tâm
- + Tưởng uẩn: tâm sở Tưởng hợp với 15 tâm
- + Hành uẩn: 35 tâm sở (37 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + Thức uẩn: 15 tâm

↪ **12 XỨ: có 2 xứ**, gồm:

- + Ý xứ: 15 tâm
- + Pháp xứ: 37 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 2 giới**, gồm:

- + Ý thức giới: 15 tâm
- + Pháp giới: 37 tâm sở hợp

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế**, gồm:

- + Khổ đế: 10 tâm (15 tâm – 5 tâm Tứ đạo), 37 tâm sở hợp
 - + Đạo đế: 5 tâm Tứ đạo hợp với 7 chi đạo
- NGOẠI ĐẾ:
Tâm Đạo hợp với 28 tâm sở hợp (36ts – 8 chi đạo)

1b/ CÁC PHÁP PHẦN VÔ MINH

AVIJJĀBHĀGINO DHAMMĀ
Các pháp thuộc phần tối, Vô minh Tứ đế (chính là tâm sở Vô si)

+ **TÂM: 12 tâm bất thiện**

+ **TÂM SỞ: 26 tâm sở (13TSTT, 14TSBT – ts Si)**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
PHẦN VÔ
MINH
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:**

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 12 tâm BT
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 12 tâm BT
- + **Hành uẩn:** 24 tâm sở (26 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 12 tâm BT

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- + **Ý xứ:** 12 tâm BT
- + **Pháp xứ:** 26 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- + **Ý thức giới:** 12 tâm BT
- + **Pháp giới:** 26 tâm sở hợp

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

- + **Khổ đế:** 12 tâm BT, 25 tâm sở (26ts – ts Tham)
- + **Tập đế:** tâm sở Tham

NHỊ ĐỀ ĐIỂN CHỚP
Chiết bán mà hữu dư

**2/ VIJJŪPAMĀ DHAMMĀ,
VAJIRŪPAMĀ DHAMMĀ**

Các pháp ví dụ điển chớp, các pháp ví dụ sấm sét

2a/ CÁC PHÁP VÍ DỤ ĐIỂN CHỚP - VIJJŪPAMĀ DHAMMĀ

CHI PHÁP: Lấy tâm sở Tuệ quyền hợp trong 3 hoặc 15 tâm đạo thấp tức Vị tri quyền và Dĩ tri quyền.

Nhóm Tuệ quyền có 3:

1/ Vị tri quyền: trí tuệ của bậc Tu đà hườn đạo biết cái chưa từng biết

2/ Dĩ tri quyền: trí tuệ của bậc Tu đà hườn quả, Tư đà hàm đạo, quả, A na hàm đạo quả và A la hán đạo: biết cái đã từng biết

3/ Cụ tri quyền: là trí tuệ của bậc A la hán Quả giác ngộ hoàn toàn

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
VÍ DỤ
ĐIỂN
CHỚP
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN:** có 1 uẩn:
+ **Hành uẩn:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **12 XỨ:** có 1 xứ:
+ **Pháp xứ:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **18 GIỚI:** có 1 giới:
+ **Pháp giới:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế:
+ **Đạo đế:** Chánh kiến: tâm sở Tuệ quyền

2b/ CÁC PHÁP VÍ DỤ SẤM SÉT - VAJIRŪPAMĀ DHAMMĀ

CHI PHÁP: Lấy tâm sở Tuệ quyền hợp trong 5 A la hán Đạo

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
VÍ DỤ
SẤM SÉT
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN:** có 1 uẩn:
+ **Hành uẩn:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **12 XỨ:** có 1 xứ:
+ **Pháp xứ:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **18 GIỚI:** có 1 giới:
+ **Pháp giới:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế:
+ **Đạo đế:** Chánh kiến trong 5 tâm A la hán Đạo

NHỊ ĐỀ NGU NHÂN
Chiết bán mà hữu dư

3/ BĀLĀ DHAMMĀ, PAṆḌITĀ DHAMMĀ

Các pháp ngu nhân, các pháp hiền trí

3a/ CÁC PHÁP NGU NHÂN

BĀLĀ DHAMMĀ

+ **TÂM:** 12 tâm bất thiện

+ **TÂM SỞ:** 27 tâm sở (13TSTT, 14TSBT)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP**

**NGU
NHÂN**

**TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 12 tâm BT
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 12 tâm BT
- + **Hành uẩn:** 25 tâm sở (27 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 12 tâm BT

↳ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 12 tâm BT
- + **Pháp xứ:** 27 tâm sở hợp

↳ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 12 tâm BT
- + **Pháp giới:** 27 tâm sở hợp

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- + **Khổ đế:** 12 tâm BT, 26 tâm sở hợp (27ts – ts Tham)
- + **Tập đế:** tâm sở Tham

3b/ CÁC PHÁP HIỀN TRÍ
PANḌITĀ DHAMMĀ

+ **TÂM: 37 tâm** (gồm 8 tâm thiện DGTH, 5 tâm thiện SG, 4 tâm thiện VSG, 20 tâm đạo siêu thế)

+ **TÂM SỞ: 38 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH)

TẤT CẢ
CHI PHÁP
HIỀN TRÍ
TÍNH
THEO

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 37 tâm thiện
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 37 tâm thiện
- + **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 37 tâm thiện

↪ **12 XỨ: có 2 xứ**, gồm:

- + **Ý xứ:** 37 tâm thiện
- + **Pháp xứ:** 38 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 2 giới**, gồm:

- + **Ý thức giới:** 37 tâm thiện
- + **Pháp giới:** 38 tâm sở hợp

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế**, gồm:

- + **Khổ đế:** 17 tâm thiện Hiệp thế (37 tâm – 20 tâm đạo ST), 38 tâm sở hợp
- + **Đạo đế:** bát chánh đạo hợp với 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

- Tâm Đạo hợp với 28 tâm sở hợp (36ts – 8 chi đạo)

29.09.2023 – room PhatgiaonamtruyenNT

<https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/880446090345041>

<https://www.facebook.com/vuonhoachanhphap/videos/1974998902881518>

NHỊ ĐỀ HẮC PHÁP
Chiết bán mà hữu dư

4/ KANĤĀ DHAMMĀ, SUKKĀ DHAMMĀ
- Các pháp Hắc, các pháp Bạch.

4a/ CÁC PHÁP HẮC
KANĤĀ DHAMMĀ

+ **TÂM:** 12 tâm BT

+ **TÂM SỞ:** 27 tâm sở (13TSTT, 14TSBT)

TẤT CẢ CHI
PHÁP HẮC
TÍNH
THEO

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 12 tâm BT
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 12 tâm BT
- + **Hành uẩn:** 25 tâm sở (27 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 12 tâm BT

↪ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 12 tâm BT
- + **Pháp xứ:** 27 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 12 tâm BT
- + **Pháp giới:** 27 tâm sở hợp

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- + **Khổ đế:** 12 tâm BT, 26 tâm sở hợp (27ts – ts Tham)
- + **Tập đế:** tâm sở Tham

4b/ CÁC PHÁP BẠCH
SUKKĀ DHAMMĀ

+ **TÂM:** 37 tâm (gồm 8 tâm thiện DGTH, 5 tâm thiện SG, 4 tâm thiện VSG, 20 tâm đạo siêu thế)

+ **TÂM SỞ:** 38 tâm sở (13TSTT, 25TSTH)

TẤT CẢ
CHI PHÁP
BẠCH
TÍNH
THEO

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 37 tâm thiện
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 37 tâm thiện
- + **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 37 tâm thiện

↪ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 37 tâm thiện
- + **Pháp xứ:** 38 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 37 tâm thiện
- + **Pháp giới:** 38 tâm sở hợp

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- + **Khổ đế:** 17 tâm thiện Hiệp thế (37 tâm – 20 tâm đạo ST), 38 tâm sở hợp
- + **Đạo đế:** bát chánh đạo hợp với 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

- Tâm Đạo hợp với 28 tâm sở hợp (36ts – 8 chi đạo)

NHỊ ĐỀ VIÊM
Chiết bán mà hữu dư

5/ TAPANĪYĀ DHAMMĀ, ATAPANĪYĀ DHAMMĀ

Các pháp Viêm, các pháp Phi viêm

5a/ CÁC PHÁP VIÊM

TAPANĪYĀ DHAMMĀ

+ **TÂM:** 12 tâm bất thiện

+ **TÂM SỞ:** 27 tâm sở (13TSTT, 14TSBT)

TẤT CẢ CHI

PHÁP

VIÊM

TÍNH

THEO

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 12 tâm BT
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 12 tâm BT
- + **Hành uẩn:** 25 tâm sở (27 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 12 tâm BT

↪ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 12 tâm BT
- + **Pháp xứ:** 27 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 12 tâm BT
- + **Pháp giới:** 27 tâm sở hợp

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- + **Khổ đế:** 12 tâm BT, 26 tâm sở hợp (27ts – ts Tham)
- + **Tập đế:** tâm sở Tham

5b/ CÁC PHÁP PHI VIÊM
ATAPANĪYĀ DHAMMĀ

+ **TÂM:** 37 tâm (gồm 8 tâm thiện DGTH, 5 tâm thiện SG, 4 tâm thiện VSG, 20 tâm đạo siêu thế)

+ **TÂM SỞ:** 38 tâm sở (13TSTT, 25TSTH)

TẤT CẢ
CHI PHÁP
PHI VIÊM
TÍNH
THEO

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 37 tâm thiện
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 37 tâm thiện
- + **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 37 tâm thiện

↪ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 37 tâm thiện
- + **Pháp xứ:** 38 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 37 tâm thiện
- + **Pháp giới:** 38 tâm sở hợp

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- + **Khổ đế:** 17 tâm thiện Hiệp thế (37 tâm – 20 tâm đạo ST), 38 tâm sở hợp
- + **Đạo đế:** bát chánh đạo hợp với 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

- Tâm Đạo hợp với 28 tâm sở hợp (36ts – 8 chi đạo)

NHỊ ĐỀ ƯỚC ĐỊNH

Chiết bán mà vô dư

6/ ADHIVACANĀ DHAMMĀ, ADHIVACANAPATHĀ DHAMMĀ

Các pháp định danh, Các pháp cách thức
định danh

6a/ CÁC PHÁP ĐỊNH DANH

ADHIVACANĀ DHAMMĀ

Làm nên, tạo ra Danh chế
định

Chi pháp: **SẮC KHẨU BIỂU TRI**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP**

ĐỊNH

DANH

TÍNH

THEO

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Sắc uẩn:** sắc khẩu biểu tri

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ**

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới**

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**
+ **Khổ đế:** sắc khẩu biểu tri

6b/ CÁC PHÁP CÁCH THỨC ĐỊNH DANH

ADHIVACANAPATHĀ
DHAMMĀ

Các pháp bản thể của Nghĩa
chế định (lấy hết các pháp
Chân đế)

+ **TÂM: 121 tâm**

+ **TÂM SỞ: 52 tâm sở**

+ **SẮC PHÁP: 28 sắc**

+ **NIẾT BÀN**

**TẤT CẢ CHI
PHÁP
CÁCH
THỨC
ĐỊNH
DANH
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**
+ **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
+ **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 121 tâm
+ **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 121 tâm
+ **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
+ **Thức uẩn:** 121 tâm
NGOẠI UẨN: Niết bàn

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
CÁCH
THỨC
ĐỊNH
DANH
TÍNH
THEO**

↪ **12 XỨ: có 12 xứ, gồm:**

- + Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ
- + Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc xứ (*đất, lửa, gió*)
- + Ý xứ: 121 tâm
- + Pháp Xứ: 52 tâm sở, 16 sắc tế, Niết bàn

↪ **18 GIỚI: có 18 giới, gồm:**

- + Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới
- + Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc giới
- + Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới
- + Ý giới: KNM, 2TT
- + Pháp giới: 52 tâm sở, 16 sắc tế, Niết bàn
- + Ý thức giới: **108 tâm** ($121 \text{ tâm} - 10 \text{ NST} - 3 \text{ Ý giới}$)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 4 đế, gồm:**

- + Khổ đế: 81 tâm Hiệp thế ($121 \text{ tâm} - 40 \text{ tâm ST}$), 51 tâm sở hợp ($52 \text{ ts} - \text{ts Tham}$), 28 sắc pháp
- + Tập đế: tâm sở Tham
- + Diệt đế: Niết bàn
- + Đạo đế: bát chánh đạo hợp với tâm Đạo

NGOẠI ĐẾ:

Tâm đạo hợp 28 tâm sở hợp (13 TS TT , $25 \text{ TS TH} - 2 \text{ VLP} - 8 \text{ chi đạo}$)

Tâm Quả hợp 36 tâm sở hợp (13 TS TT , $25 \text{ TS TH} - 2 \text{ VLP}$)

NHỊ ĐỀ NGÔN NGỮ
Chiết bán mà vô dư

7/ NIRUTTI DHAMMĀ, NIRUTTIPATHĀ DHAMMĀ
- Các pháp ngôn ngữ, Các pháp cách thức ngôn ngữ

7a/ CÁC PHÁP NGÔN NGỮ
NIRUTTI DHAMMĀ
Các pháp tạo ra, chế định ra ngôn ngữ (Danh chế định)

Chi pháp: **SẮC KHẨU BIỂU TRI**

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 6a

7b/ CÁC PHÁP CÁCH THỨC NGÔN NGỮ
NIRUTTIPATHĀ DHAMMĀ
Các pháp thực tính tạo lập ngôn ngữ (Nghĩa chế định):
lấy hết các pháp Chân đế

+ **TÂM: 121 tâm**

+ **TÂM SỞ: 52 tâm sở**

+ **SẮC PHÁP: 28 sắc**

+ **NIẾT BÀN**

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 6b

NHỊ ĐỀ CHẾ ĐỊNH
Chiết bán mà vô dư

**8/ PAÑÑATTI DHAMMĀ,
PAÑÑATTIPATHĀ DHAMMĀ**

Các pháp chế định, Các pháp cách thức
chế định.

8a/ CÁC PHÁP CHẾ ĐỊNH

PAÑÑATTI DHAMMĀ

Các pháp lập thành, tạo ra
Pháp chế định

Chi pháp: **SẮC KHẨU BIỂU TRI**

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 7a

**8b/ CÁC PHÁP CÁCH THỨC
CHẾ ĐỊNH**

PAÑÑATTIPATHĀ DHAMMĀ

Các pháp bản thể, thực tánh
của Nghĩa chế định: lấy hết
các pháp Chân đế

+ **TÂM: 121 tâm**

+ **TÂM SỞ: 52 tâm sở**

+ **SẮC PHÁP: 28 sắc**

+ **NIẾT BÀN**

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 7b

NHỊ ĐỀ DANH SẮC

Hàm tận mà vô dư

9/ NĀMAÑCA, RŪPAÑCA

Danh và Sắc

9a/ DANH - NĀMAÑCA

+ TÂM: 121 tâm

+ TÂM SỞ: 52 tâm sở

+ NIẾT BÀN

TẤT CẢ CHI

PHÁP

DANH

TÍNH

THEO

↪ **NGŨ UẨN**: có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + Thọ uẩn: tâm sở Thọ hợp với 121 tâm
- + Tưởng uẩn: tâm sở Tưởng hợp với 121 tâm
- + Hành uẩn: 50 tâm sở (52 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + Thức uẩn: 121 tâm

NGOẠI UẨN: Niết bàn

↪ **12 XỨ**: có 2 xứ, gồm:

- + Ý xứ: 121 tâm
- + Pháp xứ: 52 tâm sở, Niết bàn

↪ **18 GIỚI**: có 8 giới, gồm:

- + Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới
- + Ý giới: KNM, 2TT
- + Pháp giới: 52 tâm sở, Niết bàn
- + Ý thức giới: 108 tâm (121 tâm - 10 NST - 3 Ý giới)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ**: có 4 đế, gồm:

- + Khổ đế: 81 tâm Hiệp thế (121 tâm - 40 tâm ST), 51 tâm sở hợp (52ts - ts Tham)
- + Tập đế: tâm sở Tham
- + Diệt đế: Niết bàn
- + Đạo đế: bát chánh đạo hợp với tâm Đạo

NGOẠI ĐẾ:

Tâm đạo hợp 28 tâm sở hợp (38 t.sở - 2VLP - 8 chi đạo)

Tâm Quả hợp 36 tâm sở hợp (38 t.sở - 2VLP)

9b/ SẮC - RŪPAÑCA

Chi pháp: 28 SẮC PHÁP

TẤT CẢ CHI
PHÁP SẮC
TÍNH
THEO

↪ NGŨ UẨN: có 1 uẩn:
+ Sắc uẩn

↪ 12 XỨ: có 11 xứ, gồm:
+ Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ
+ Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc xứ (*đất, lửa, gió*)
+ Pháp Xứ: 16 sắc tế

↪ 18 GIỚI: có 11 giới, gồm:
+ Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới
+ Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc giới
+ Pháp giới: 16 sắc tế

↪ TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:
+ Khổ đế: 28 sắc pháp

NHỊ ĐỀ VÔ MINH
Chiết bán mà hữu dư

10/ AVIJJĀCA, BHAVATANHĀCA

Vô minh và Hữu ái

10a/ VÔ MINH

AVIJJĀCA

Chi pháp: **tâm sở SI**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
VÔ MINH
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Si

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Si

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Si

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Si

10b/ HỮU ÁI

BHAVATANHĀCA

Chi pháp: **tâm sở THAM**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
HỮU ÁI
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Tham

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Tham

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Tham

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**
+ **Tập đế:** tâm sở Tham

NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN
Chiết bán mà hữu dư

11/ BHAVADIṬṬHICA, VIBHAVADIṬṬHICA
Hữu kiến và Phi hữu kiến

11a/ HỮU KIẾN
BHAVADIṬṬHICA
Hữu kiến là thường kiến

Chi pháp: **tâm sở TÀ KIẾN**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
HỮU KIẾN
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Tà kiến

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Tà kiến

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Tà kiến

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Tà kiến

11b/ PHI HỮU KIẾN
VIBHAVADIṬṬHICA
Chấp là đoạn kiến

Chi pháp: **tâm sở TÀ KIẾN**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
PHI HỮU
KIẾN TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Tà kiến

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Tà kiến

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Tà kiến

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Tà kiến

NHỊ ĐỀ THƯỜNG KIẾN

Chiết bán mà hữu dư

12/ SASSATADIṬṬHICA, UCCHEDADIṬṬHICA

Thường kiến và đoạn kiến.

12a/ THƯỜNG KIẾN SASSATADIṬṬHICA

Chi pháp: tâm sở TÀ KIẾN

12b/ ĐOẠN KIẾN UCCHEDADIṬṬHICA

Chi pháp: tâm sở TÀ KIẾN

NHỊ ĐỀ HỮU BIÊN KIẾN

Chiết bán mà hữu dư

13/ ANTAVĀ DIṬṬHICA, ANANTAVĀ DIṬṬHICA

Hữu biên kiến và Vô biên kiến.

13a/ HỮU BIÊN KIẾN ANTAVĀ DIṬṬHICA

Chi pháp: tâm sở TÀ KIẾN

13b/ VÔ BIÊN KIẾN ANANTAVĀ DIṬṬHICA

Chi pháp: tâm sở TÀ KIẾN

NHỊ ĐỀ HỮU TIỀN KIẾN

Chiết bán mà hữu dư

14/ PUBBANTĀNUDIṬṬHICA, APARANTĀNU DIṬṬHICA.

Hữu tiền kiến và Hữu hậu kiến.

14a/ HỮU TIỀN KIẾN PUBBANTĀNUDIṬṬHICA Chấp có đời trước

Chi pháp: tâm sở TÀ KIẾN

14b/ HỮU HẬU KIẾN APARANTĀNUDIṬṬHICA Chấp có đời sau

Chi pháp: tâm sở TÀ KIẾN

NHỊ ĐỀ VÔ TÂM
Chiết bán mà hữu dư

15/ AHIRIKAÑCA, ANOTTAPPAÑCA

Vô tâm và vô úy

15a/ VÔ TÂM - AHIRIKAÑCA

Không hổ thẹn tội lỗi

Chi pháp: **tâm sở VÔ TÂM**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
VÔ TÂM
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Vô tâm

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Vô tâm

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Vô tâm

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Vô tâm

15b/ VÔ ÚY - ANOTTAPPAÑCA

Không ghê sợ tội lỗi

Chi pháp: **tâm sở VÔ ÚY**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
VÔ ÚY
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Vô úy

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Vô úy

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Vô úy

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Vô úy

NHỊ ĐỀ TÀM
Chiết bán mà hữu dư

16/ HIRĪCA, OTTAPPAÑCA
Tàm và Úy

16a/ TÀM - HIRĪCA

Chi pháp: **tâm sở TÀM**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
TÀM TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Tàm

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Tàm

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Tàm

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Tàm

16b/ ÚY - OTTAPPAÑCA

Chi pháp: **tâm sở ÚY**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
ÚY TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Úy

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Úy

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Úy

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Úy

NHỊ ĐỀ NAN GIÁO
Chiết bán mà hữu dư

17/ DOVACASSATĀCA, PĀPAMITTATĀCA.

Sự khó dạy và Có bạn ác

17a/ SỰ KHÓ DẠY

DOVACASSATĀCA

Pháp làm thành người khó dạy

+ **TÂM:** 2 tâm sân

+ **TÂM SỞ:** 22 tâm sở (13TSTT – Hỷ, 4 Si phần, 4 sân phần, 2 hôn phần)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
SỰ KHÓ
DẠY TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 2 tâm sân
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 2 tâm sân
- + **Hành uẩn:** 20 tâm sở (22 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 2 tâm sân

↪ **12 XÚ:** có 2 xú, gồm:

- + **Ý xú:** 2 tâm sân
- + **Pháp Xú:** 22 tâm sở

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 2 tâm sân
- + **Pháp giới:** 22 tâm sở

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế:

- + **Khổ đế:** 2 tâm sân, 22 tâm sở hợp

17b/ CÓ BẠN ÁC

PĀPAMITTATĀCA

Pháp làm cho thành người có bạn ác, xấu, tội lỗi

+ **TÂM:** 10 tâm bất thiện (8 tâm tham, 2 tâm si)

+ **TÂM SỞ:** 23 tâm sở (13TSTT, 14 TSTT - 4 sân phần)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
CÓ BẠN
ÁC TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 2 tâm sân
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 2 tâm sân
- + **Hành uẩn:** 21 tâm sở (23 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 10 tâm bất thiện

↪ **12 XÚ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 10 tâm bất thiện
- + **Pháp Xứ:** 23 tâm sở

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 10 tâm bất thiện
- + **Pháp giới:** 23 tâm sở

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế:

- + **Khổ đế:** 10 tâm bất thiện, 23 tâm sở hợp

NHỊ ĐỀ DỊ GIÁO
Chiết bán mà hữu dư

18/ SOVACASSATĀCA - KALYĀṆAMITTATĀCA

Sự dễ dạy và Có bạn lành

18a/ SỰ DỄ DẠY

SOVACASSATĀCA

Pháp làm thành người dễ dạy

+ **TÂM: 16 tâm** (8 tâm thiện DGTH, 8 tâm Duy tác DGTH)

+ **TÂM SỞ: 38 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH (Ts Tuệ quyền))

Cách khác:

+ **TÂM: 16 tâm** (8 tâm thiện DGTH, 8 tâm Duy tác DGTH)

+ **TÂM SỞ: 32 tâm sở** (13TSTT, 19TSTHBH)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
SỰ DỄ
DẠY TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (trừ Sắc uẩn), gồm:

+ **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 16 tâm

+ **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 16 tâm

+ **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)

+ **Thức uẩn:** 16 tâm

↪ **12 XỨ: có 2 xứ**, gồm:

+ **Ý xứ:** 16 tâm

+ **Pháp Xứ:** 38 tâm sở

↪ **18 GIỚI: có 2 giới**, gồm:

+ **Ý thức giới:** 16 tâm

+ **Pháp giới:** 38 tâm sở

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**

+ **Khổ đế:** 16 tâm, 38 tâm sở hợp

18b/ CÓ BẠN LÀNH

KALYĀṆAMITTATĀCA

Pháp làm cho thành người bạn lành

+ **TÂM: 16 tâm** (8 tâm thiện DGTH, 8 tâm Duy tác DGTH)

+ **TÂM SỞ: 38 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH (Ts Tuệ quyền))

Cách khác:

+ **TÂM: 16 tâm** (8 tâm thiện DGTH, 8 tâm Duy tác DGTH)

+ **TÂM SỞ: 32 tâm sở** (13TSTT, 19TSTHBH)

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 18a

NHỊ ĐỀ TRI QUÁ (TỘI)

Chiết bán mà hữu dư

19/ ĀPATTIKUSALATĀCA

ĀPATTIVUṬṬHĀNAKUSALATĀCA

Thiện xảo về tội và thiện xảo về xuất tội

19a/ THIỆN XẢO VỀ TỘI

ĀPATTIKUSALATĀCA

Pháp biết rõ tội lỗi là tội lỗi

Chi pháp: tâm sở **TUỆ QUYỀN**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
THIỆN
XẢO VỀ
TỘI TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**

+ **Hành uẩn:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**

+ **Pháp xứ:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**

+ **Pháp giới:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**

+ **Khổ đế:** tâm sở Tuệ quyền

19b/ THIỆN XẢO VỀ XUẤT TỘI

ĀPATTIVUṬṬHĀNAKUSALATĀCA

Chi pháp: tâm sở **TUỆ QUYỀN**

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 19a

NHỊ ĐỀ NHẬP ĐỊNH
Chiết bán mà hữu dư

20/ SAMĀPATTIKUSALATĀCA
SAMĀPATTIVUṬṬHĀNAKUSALATĀCA
Thiện xảo về nhập định và Thiện xảo về
xuất định

**20a/ THIỆN XẢO VỀ NHẬP
ĐỊNH**

SAMĀPATTIKUSALATĀCA
Pháp mà khéo léo biết rõ
cách nhập định

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
THIỆN
XẢO VỀ
NHẬP
ĐỊNH
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Tuệ quyền

**20b/ THIỆN XẢO VỀ XUẤT
ĐỊNH**

**SAMĀPATTIVUṬṬHĀNA
KUSALATĀCA**
Pháp mà khéo léo biết rõ
cách xuất thiền

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN**

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 20a

NHỊ ĐỀ TRI GIỚI
Chiết bán mà hữu dư

21/ DHĀTUKUSALATĀCA
MANASIKĀRAKUSALATĀCA

Thiện xảo về giới, Thiện xảo về tác ý.

21a/ THIỆN XẢO VỀ GIỚI

DHĀTUKUSALATĀCA

Pháp khéo léo biết rõ về 18
giới

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN**

21b/ THIỆN XẢO VỀ TÁC Ý

MANASIKĀRAKUSALATĀCA

Pháp biết cách khéo léo biết
rõ pháp làm thành cảnh cho
Tâm

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN**

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 20a

NHỊ ĐỀ TRI XỨ
Chiết bán mà hữu dư

22/ ĀYATANAKUSALATĀCA
PAṬICCASAMUPPĀDAKUSALATĀCA

Thiện xảo về xứ, và thiện xảo về y tương
sinh

22a/ THIỆN XẢO VỀ XỨ

ĀYATANAKUSALATĀCA

Pháp khéo léo biết rõ về 12
Xứ

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN**

21b/ THIỆN XẢO VỀ Y
TƯƠNG SINH

PAṬICCASAMUPPĀDAKUSALA
TĀCA

Pháp khéo léo biết rõ về Thập
nhị nhân duyên

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN**

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 20a

NHỊ ĐỀ SỞ SINH
Chiết bán mà hữu dư

23/ ṬHĀNAKUSALATĀCA
AṬṬHĀNAKUSALATĀCA

Thiện xảo về vị trí và thiện xảo về phi vị trí.

23a/ THIỆN XẢO VỀ VỊ TRÍ
“SỞ SINH TRÍ THIỆN XẢO”

ṬHĀNAKUSALATĀCA

Trí tuệ hiện hữu trong các tâm
Thiện dục giới, Duy tác dục giới
và các Tâm Thông biết rõ tất cả
pháp là NHÂN sinh ra QUẢ

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN**

23b/ THIỆN XẢO VỀ PHI VỊ
TRÍ

MANASIKĀRAKUSALATĀCA

Trí tuệ hiện hữu trong các tâm
Thiện dục giới, Duy tác dục giới
và các Tâm Thông biết rõ tất cả
pháp là NHÂN KHÔNG SINH ra
QUẢ

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN**

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 20a

NHỊ ĐỀ CHÁNH TRỰC

Chiết bán mà hữu dư

24/ AJJAVOCA, MADDAVOCA

Chánh trực và Nhu thuận

24a/ CHÁNH TRỰC

AJJAVOCA

Pháp làm cho tâm ngay thẳng,
chánh trực, không tà vạy

Chi pháp: **tâm sở CHÁNH THÂN & tâm sở CHÁNH TÂM**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
CHÁNH
TRỰC
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**

+ **Hành uẩn:** tâm sở Chánh thân & tâm sở Chánh tâm

↳ **12 XỨ: có 1 xứ:**

+ **Pháp xứ:** tâm sở Chánh thân & tâm sở Chánh tâm

↳ **18 GIỚI: có 1 giới:**

+ **Pháp giới:** tâm sở Chánh thân & tâm sở Chánh tâm

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**

+ **Khổ đế:** tâm sở Chánh thân & tâm sở Chánh tâm

24b/ NHU THUẬN

MADDAVOCA

Pháp làm cho tâm mềm mại,
nhu nhuyễn

Chi pháp: **tâm sở NHU THÂN & tâm sở NHU TÂM**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
NHU
THUẬN
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**

+ **Hành uẩn:** tâm sở Nhu thân & tâm sở Nhu tâm

↳ **12 XỨ: có 1 xứ:**

+ **Pháp xứ:** tâm sở Nhu thân & tâm sở Nhu tâm

↳ **18 GIỚI: có 1 giới:**

+ **Pháp giới:** tâm sở Nhu thân & tâm sở Nhu tâm

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**

+ **Khổ đế:** tâm sở Nhu thân & tâm sở Nhu tâm

NHỊ ĐỀ KHAM NHÃN

Chiết bán mà hữu dư

25/ KHANTICA, SORACCAÑCA

Nhẫn nại và Nghiêm tịnh

25a/ NHÃN NẠI - KHANTICA

Pháp làm cho thành người
kiên nhẫn, chịu đựng trước
nghịch cảnh

+ **TÂM:** 16 tâm (8 tâm thiện DGTH, 8 tâm duy
tác DGTH)

+ **TÂM SỞ:** 38 tâm sở (13TSTT, 25TSTH)

☞ Lấy tâm sở Vô sân dẫn đầu

TẤT CẢ CHI

PHÁP

NHÃN NẠI

TÍNH

THEO

☞ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 16 tâm
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 16 tâm
- + **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 16 tâm

☞ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 16 tâm
- + **Pháp xứ:** 38 tâm sở hợp

☞ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 16 tâm
- + **Pháp giới:** 38 tâm sở hợp

☞ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế:

- + **Khổ đế:** 16 tâm, 38 tâm sở hợp

25b/ NGHIÊM TỊNH - SORACCAÑCA

Pháp làm cho vắng lặng các
phiền não bằng cách ngăn,
trừ

+ **TÂM: 56 tâm** (8 tâm thiện DGTH, 8 tâm duy
tác DGTH, 40 tâm Siêu thế)

+ **TÂM SỞ: 36 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH – 2
VLP)

☞ **Lấy tâm sở Tịnh thân, tịnh tâm làm nên
sự nghiêm tịnh**

TẤT CẢ CHI

PHÁP

NGHIÊM

TỊNH TÍNH

THEO

☞ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:**

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 56 tâm
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 56 tâm
- + **Hành uẩn:** 34 tâm sở (36 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 56 tâm

☞ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- + **Ý xứ:** 56 tâm
- + **Pháp xứ:** 36 tâm sở hợp

☞ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- + **Ý thức giới:** 56 tâm
- + **Pháp giới:** 36 tâm sở hợp

☞ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

- + **Khổ đế:** 16 tâm thiện Hiệp thế (56 tâm – 40 tâm ST), 36
tâm sở hợp
- + **Đạo đế:** bát chánh đạo hợp với 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

- Tâm Đạo hợp với 28 tâm sở hợp (36ts – 8 chi đạo)
- Tâm Quả hợp với 36 tâm sở hợp

NHỊ ĐỀ CAM NGÔN

Chiết bán mà hữu dư

26/ SĀKHALYĀNCA, PAṬISANTHĀROCA

Cam ngôn và Tiếp đãi.

26a/ CAM NGÔN

SĀKHALYĀNCA

Cam ngôn: mỹ từ

+ **TÂM:** 16 tâm (8 tâm thiện DGTH, 8 tâm Duy tác DGTH)

+ **TÂM SỞ:** 38 tâm sở (13TSTT, 25TSTH)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
CAM
NGÔN
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 16 tâm
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 16 tâm
- + **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 16 tâm

↳ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 16 tâm
- + **Pháp Xứ:** 38 tâm sở

↳ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 16 tâm
- + **Pháp giới:** 38 tâm sở

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế:

- + **Khổ đế:** 16 tâm, 38 tâm sở hợp

26b/ TIẾP ĐÃI

PAṬISANTHĀROCA

Pháp làm cho người đáng được tôn kính, đáng được tiếp đãi, đáng được tôn trọng

+ **TÂM:** 16 tâm (8 tâm thiện DGTH, 8 tâm Duy tác DGTH)

+ **TÂM SỞ:** 38 tâm sở (13TSTT, 25TSTH)

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế: giống câu 26a

**NHỊ ĐỀ BẤT THU THỨC MÔN
QUYỀN**

Chiết bán mà hữu dư

**27/ INDRIYESUAGUTTADVĀRATĀCA,
BHOJANE AMATTĀÑÑUTĀCA**

Không phòng hộ môn quyền và Không tiết
độ vật thực

**27a/ Không phòng hộ môn
quyền**

INDRIYESUAGUTTADVĀRATĀCA

Sống không phòng hộ, giữ gìn
các căn không thanh tịnh

+ **TÂM:** 10 tâm bất thiện (8 tâm tham, 2 tâm sân)

+ **TÂM SỞ:** 26 tâm sở (13TSTT, 14TSBT – Hoà
nghi)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
KHÔNG
PHÒNG
HỘ MÔN
QUYỀN
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 10 tâm BT
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 10 tâm BT
- + **Hành uẩn:** 24 tâm sở (26 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 10 tâm BT

↪ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 10 tâm BT
- + **Pháp Xứ:** 26 tâm sở

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 10 tâm BT
- + **Pháp giới:** 26 tâm sở

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- + **Khổ đế:** 10 tâm BT, 25 tâm sở hợp (26ts – ts Tham)
- + **Tập đế:** ts Tham

27b/ Không tiết độ vật thực
BHOJANE AMATTANÑUTĀCA
Pháp làm cho thành người
tham lam, ăn uống tham lam

+ **TÂM:** 10 tâm bất thiện (8 tâm tham, 2 tâm si)

+ **TÂM SỞ:** 23 tâm sở (13TSTT, 14TSBT – 4 sân phần)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
KHÔNG
TIẾT ĐỘ
VẬT THỰC
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 10 tâm BT
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 10 tâm BT
- + **Hành uẩn:** 21 tâm sở (23 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 10 tâm BT

↳ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 10 tâm BT
- + **Pháp Xứ:** 23 tâm sở

↳ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 10 tâm BT
- + **Pháp giới:** 23 tâm sở

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- + **Khổ đế:** 10 tâm BT, 22 tâm sở hợp (23ts – ts Tham)
- + **Tập đế:** ts Tham

NHỊ ĐỀ THU THÚC MÔN QUYỀN

Chiết bán mà hữu dư

28/ INDRIYESU GUTTADVĀRATĀCA, BHOJANE MATTANÑUTĀCA

Phòng hộ môn quyền và Tiết độ vật thực

28a/ Phòng hộ môn quyền INDRIYESU GUTTADVĀRATĀCA

Pháp làm cho người biết thu
thúc, không buông lung

+ **TÂM:** 56 tâm (8 tâm thiện DG, 8 tâm duy
tác DG, 40 tâm ST)

+ **TÂM SỞ:** 38 tâm sở (13TSTT, 25TSTH)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
PHÒNG
HỘ MÔN
QUYỀN
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 56 tâm
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 56 tâm
- + **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 56 tâm

↳ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 56 tâm
- + **Pháp Xứ:** 38 tâm sở

↳ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 56 tâm
- + **Pháp giới:** 38 tâm sở

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- + **Khổ đế:** 16 tâm Hiệp thế (56 tâm – 40 tâm ST), 38 tâm sở hợp
- + **Đạo đế:** bát chánh đạo hợp với 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

- Tâm Đạo hợp với 28 tâm sở hợp (36ts – 8 chi đạo)
- Tâm Quả hợp với 36 tâm sở hợp

28b/ TIẾT ĐỘ VẬT THỰC
BHOJANE MATTANÑUTĀCA

Giúp cho người có đời sống
tri túc, thiếu dục (*ít có sự
mong muốn*)

+ **TÂM:** 16 tâm (*8 tâm thiện DG, 8 tâm duy
tác DG*)

+ **TÂM SỞ:** 33 tâm sở (*13TSTT, 19TSTH biến
hành, ts Tuệ quyền*)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
TIẾT ĐỘ
VẬT THỰC
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (*trừ Sắc uẩn*), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 56 tâm
- + **Tướng uẩn:** tâm sở Tướng hợp với 56 tâm
- + **Hành uẩn:** 31 tâm sở (*33 tâm sở - ts Thọ - ts Tướng*)
- + **Thức uẩn:** 16 tâm

↳ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 16 tâm
- + **Pháp Xứ:** 33 tâm sở

↳ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 16 tâm
- + **Pháp giới:** 33 tâm sở

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế:

- + **Khổ đế:** 16 tâm Hiệp thế, 33 tâm sở hợp

NHỊ ĐỀ THẤT NIỆM
Chiết bán mà hữu dư

**29/ MUṬṬHASACCAÑCA
ASAMPAJAÑÑANCA**

Thất niệm và Không tỉnh giác.

29a/ THẤT NIỆM

MUṬṬHASACCAÑCA

Pháp làm cho quên mình, làm
cho lẫn lộn

+ **TÂM:** 12 tâm BT

+ **TÂM SỞ:** 27 tâm sở (13TSTT, 14TSBT)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
THẤT
NIỆM
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 16 tâm
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 16 tâm
- + **Hành uẩn:** 25 tâm sở (27 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 12 tâm BT

↪ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 12 tâm BT
- + **Pháp Xứ:** 27 tâm sở

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 12 tâm BT
- + **Pháp giới:** 27 tâm sở

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế:

- + **Khổ đế:** 12 tâm BT, 26 tâm sở hợp (27 tâm sở - ts Tham)
- + **Tập đế:** ts Tham

**29b/ KHÔNG TỈNH GIÁC
ASAMPAJAÑÑANCA**

Pháp làm cho thiếu sự giác
hiếu, biết mình

+ **TÂM:** 12 tâm BT

+ **TÂM SỞ:** 27 tâm sở (13TSTT, 14TSBT)

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế: giống câu 29a

NHỊ ĐỀ CHÁNH NIỆM
Chiết bán mà hữu dư

30/ SATICA, SAMPAJAÑÑAÑCA
Niệm và Tỉnh giác

30a/ NIỆM - SATICA

Pháp làm cho người có sự ghi nhớ, ức niệm, an trú trong hiện tại, thấp sang hiện hữu

Chi pháp: **tâm sở NIỆM**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
NIỆM
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Niệm

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Niệm

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Niệm

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 trong 3 để tùy theo:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Niệm/ **Đạo đế:** tâm sở Niệm
NGOẠI ĐẾ: tâm sở Niệm

30b/ TỈNH GIÁC
SAMPAJAÑÑAÑCA

Pháp làm cho thành người có sự biết mình, tỉnh táo, có sự giác hiểu, giác sát

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
TỈNH GIÁC
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 trong 3 để tùy theo:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Tuệ quyền/ **Đạo đế:** tâm sở Tuệ quyền
NGOẠI ĐẾ: tâm sở Tuệ quyền

08.12.2023 – room PhatgiaonamtruyenNT

<https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/219276541213411>

NHỊ ĐỀ GIÁC SÁT

Chiết bán mà hữu dư

31/ PAṬISAṆKHĀNABALAÑCA, BHĀVANĀ BALAÑCA

Giác sát lực và Tu tiến lực

31a/ GIÁC SÁT LỰC

PAṬISAṆKHĀNABALAÑCA

Giác sát: trí tuệ quan sát, trí tuệ phân tích, thấy rõ các pháp
Pháp có mãnh lực trí tuệ phân tích sự vật vạn hữu để thấy rõ sự thật, không dao động trước hiện trạng phi trạch pháp

Chi pháp: tâm sở TUỆ QUYỀN

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
GIÁC SÁT
LỰC TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**

+ **Hành uẩn:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**

+ **Pháp xứ:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**

+ **Pháp giới:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 trong 3 đế tùy theo:**

+ **Khổ đế:** tâm sở Tuệ quyền

hoặc **Đạo đế:** tâm sở Tuệ quyền

hoặc **NGOẠI ĐẾ:** tâm sở Tuệ quyền

31b/ TU TIẾN LỰC

BHĀVANĀBALAÑCA

Pháp có mãnh lực tinh tấn tu hành cho được giác ngộ
Sức mạnh xuất hiện nơi những ai có nghị lực làm phương tiện chính để phát triển 7 nhân tố giác ngộ được gọi Tu tiến lực

+ **TÂM: 37 tâm** (8 tâm thiện DGTH, 5 tâm thiện SG, 4 tâm thiện VSG, 20 tâm đạo Siêu thế)

+ **TÂM SỞ: 38 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
TU TIẾN
LỰC TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 37 tâm
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 37 tâm
- + **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 37 tâm

↪ **12 XỨ: có 2 xứ**, gồm:

- + **Ý xứ:** 37 tâm
- + **Pháp Xứ:** 38 tâm sở

↪ **18 GIỚI: có 2 giới**, gồm:

- + **Ý thức giới:** 37 tâm
- + **Pháp giới:** 38 tâm sở

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế**, gồm:

- + **Khổ đế:** 17 tâm Hiệp thế (37 tâm – 20 tâm đạo ST), 38 tâm sở hợp
- + **Đạo đế:** bát chánh đạo hợp với 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

- Tâm Đạo hợp với 28 tâm sở hợp (36ts – 8 chi đạo)

NHỊ ĐỀ CHỈ TỊNH
Chiết bán mà hữu dư

32/ SAMATHOCA, VIPASSANĀCA
Chỉ tịnh và Quán minh

32a/ CHỈ TỊNH - SAMATHOCA
Pháp có khả năng an trú tâm vào 1 đề mục, vừa đối trị triền cái, vừa làm an tịnh cho Tâm

Chi pháp: **tâm sở NHẤT HÀNH**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
CHỈ TỊNH
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Nhất hành

↳ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Nhất hành

↳ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Nhất hành

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 trong 3 đế tùy theo:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Nhất hành/ **Đạo đế:** tâm sở Nhất hành
NGOẠI ĐẾ: tâm sở Nhất hành

**32b/ QUÁN MINH
VIPASSANĀCA**
Pháp có khả năng quán chiếu thấy rõ lý vô thường, khổ não và vô ngã của các Pháp hữu vi

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
QUÁN
MINH
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Tuệ quyền

↳ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Tuệ quyền

↳ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Tuệ quyền

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 trong 3 đế tùy theo:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Tuệ quyền/ **Đạo đế:** tâm sở Tuệ quyền
NGOẠI ĐẾ: tâm sở Tuệ quyền

NHỊ ĐỀ ẤN CHỨNG

Hàm tận mà hữu dư

33/ SAMATHANIMITTAÑCA, PAGGĀHANI MITTAÑCA

Chỉ tịnh ấn chứng và Cần cố ấn chứng

33a/ CHỈ TỊNH ẤN CHỨNG

SAMATHANIMITTAÑCA

Là pháp tịnh phát sanh trước làm nhân làm duyên cho Chánh định sẽ sanh sau

Chi pháp: **tâm sở ĐỊNH**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
CHỈ TỊNH
ẤN
CHỨNG
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**

+ **Hành uẩn:** tâm sở Định

↳ **12 XỨ: có 1 xứ:**

+ **Pháp xứ:** tâm sở Định

↳ **18 GIỚI: có 1 giới:**

+ **Pháp giới:** tâm sở Định

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 trong 3 để tùy theo:**

+ **Khổ đế:** tâm sở Định (*phối hợp tâm Hiệp thế*)/ **Đạo đế:** tâm sở Định (*phối hợp tâm Đạo*)/ **NGOẠI ĐẾ:** tâm sở Định (*phối hợp tâm Quả*)

33b/ CẦN CỐ ẤN CHỨNG

PAGGĀHANIMITTAÑCA

Pháp tinh tấn sanh trước làm nhân làm duyên cho Chánh tinh tấn sẽ sinh sau cũng gọi là tinh cần ấn chứng

Chi pháp: **tâm sở CẦN**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
CẦN CỐ
ẤN
CHỨNG
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**

+ **Hành uẩn:** tâm sở Cần

↳ **12 XỨ: có 1 xứ:**

+ **Pháp xứ:** tâm sở Cần

↳ **18 GIỚI: có 1 giới:**

+ **Pháp giới:** tâm sở Cần

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 trong 3 để tùy theo:**

+ **Khổ đế:** tâm sở Cần / **Đạo đế:** tâm sở Cần
NGOẠI ĐẾ: tâm sở Cần

NHỊ ĐỀ CẦN CỐ
Chiết bán mà hữu dư

34/ PAGGĀHOCA, AVIKKHEPOCA

Cần cố và Bất phóng dật

34a/ CẦN CỐ - PAGGĀHOCA

Pháp có sức mạnh của tinh tấn để điều hành các pháp tương ưng

Chi pháp: **tâm sở CẦN**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
CẦN CỐ
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**

+ **Hành uẩn:** tâm sở Cần

↳ **12 XỨ: có 1 xứ:**

+ **Pháp xứ:** tâm sở Cần

↳ **18 GIỚI: có 1 giới:**

+ **Pháp giới:** tâm sở Cần

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 trong 3 để tùy theo:**

+ **Khổ đế:** tâm sở Cần/ **Đạo đế:** tâm sở Cần
NGOẠI ĐẾ: tâm sở Cần

34b/ BẤT PHÓNG DẬT

AVIKKHEPOCA

Pháp có mãnh lực quy tụ các pháp tương ưng trên 1 đối tượng không bị loạn động

Chi pháp: **tâm sở ĐỊNH (Nhất hành)**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
BẤT
PHÓNG
DẬT TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**

+ **Hành uẩn:** tâm sở Định

↳ **12 XỨ: có 1 xứ:**

+ **Pháp xứ:** tâm sở Định

↳ **18 GIỚI: có 1 giới:**

+ **Pháp giới:** tâm sở Định

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 trong 3 để tùy theo:**

+ **Khổ đế:** tâm sở Định (*phối hợp tâm Hiệp thế*)/ **Đạo đế:** tâm sở Định (*phối hợp tâm Đạo*)

NGOẠI ĐẾ: tâm sở Định (*phối hợp tâm Quả*)

NHỊ ĐỀ SUY VONG

Chiết bán mà hữu dư

35/ SĪLAVIPATTICA, DIṬṬHIVIPATTICA

Giới suy vong và Kiến suy vong

35a/ GIỚI SUY VONG

SĪLAVIPATTICA

Pháp làm cho hư hỏng giới hạnh

+ **TÂM:** 12 tâm bất thiện (8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si)

+ **TÂM SỞ:** 27 tâm sở (13TSTT, 14TSBT)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
GIỚI SUY
VONG
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 12 tâm BT
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 12 tâm BT
- + **Hành uẩn:** 26 tâm sở (27 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 12 tâm BT

↳ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 12 tâm BT
- + **Pháp Xứ:** 26 tâm sở

↳ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 12 tâm BT
- + **Pháp giới:** 26 tâm sở

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- + **Khổ đế:** 12 tâm BT, 26 tâm sở hợp (27ts – ts Tham)
- + **Tập đế:** ts Tham

35b/ KIẾN SUY VONG

DIṬṬHIVIPATTICA

Pháp làm cho hư hỏng Chánh kiến

Chi pháp: tâm sở TÀ KIẾN

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
KIẾN SUY
VONG
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 1 uẩn:

- + **Hành uẩn:** tâm sở Tà kiến

↳ **12 XỨ:** có 1 xứ:

- + **Pháp xứ:** tâm sở Tà kiến

↳ **18 GIỚI:** có 1 giới:

- + **Pháp giới:** tâm sở Tà kiến

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế:

- + **Khổ đế:** tâm sở Tà kiến

NHỊ ĐỀ MÃN TÚC
Chiết bán mà hữu dư

36/ SĪLASAMPADĀCA, DIṬṬHISAMPADĀCA

Giới mẫn túc và kiến mẫn túc

36a/ GIỚI MÃN TÚC

SĪLASAMPADĀCA

Pháp làm cho giới hạnh thành tựu viên mẫn

+ **TÂM:** 16 tâm (8 tâm thiện DGTH, 8 tâm duy tác DGTH)

+ **TÂM SỞ:** 38 tâm sở (13TSTT, 25TSTH)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
GIỚI MÃN
TÚC TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 16 tâm
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 16 tâm
- + **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 16 tâm

↪ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 16 tâm
- + **Pháp Xứ:** 38 tâm sở

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 16 tâm
- + **Pháp giới:** 38 tâm sở

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế, gồm:

- + **Khổ đế:** 16 tâm Hiệp thể, 38 tâm sở hợp

36b/ KIẾN MÃN TÚC

DIṬṬHISAMPADĀCA

Pháp làm cho thành tựu Chánh kiến

Chi pháp: tâm sở **TUỆ QUYỀN**

Đối chiếu:

- + **NGŨ UẨN:** có 1: Hành uẩn
- + **XỨ:** có 1 xứ: Pháp xứ
- + **GIỚI:** có 1 giới: Pháp giới
- + **ĐẾ:** có 1 trong 3 đế tùy theo:

Khổ đế: tâm sở Tuệ quyền/ **Đạo đế:** tâm sở Tuệ quyền/ **NGOẠI ĐẾ:** tâm sở Tuệ quyền

NHỊ ĐỀ THANH TỊNH

Hàm tận mà hữu dư

37/ SĪLAVISUDDHICA, DIṬṬHIVISUDDHICA.

Giới tịnh và Kiến tịnh

37a/ GIỚI TỊNH

SĪLAVISUDDHICA

Pháp làm cho tứ thanh tịnh
giới được tròn đủ không bị
khuyết phạm

+ **TÂM:** 16 tâm (8 tâm thiện DGTH, 8 tâm duy
tác DGTH)

+ **TÂM SỞ:** 38 tâm sở (13TSTT, 25TSTH)

TỨ THANH TỊNH GIỚI - CATUPĀRISUDDHISĪLA là:

1/ Giới pātimokkha: là biệt biệt giải thoát, giữ được một giới thì thoát
khỏi một tội - PĀTIMOKKHA SAṂVARASĪLA

2/ Giới thu thúc lục căn (thanh tịnh) - INDRIYA SAṂVARASĪLA;

3/ Giới nuôi mạng chơn chánh (trong sạch) - AJĪVA PĀRISUDDHISĪLA;

4/ Giới quán tưởng thanh tịnh trong khi thọ dụng bốn món vật dụng
- PACCAYA SANNISSITASĪLA

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 36a

37b/ KIẾN TỊNH

DIṬṬHIVISUDDHICA

Pháp làm cho Tuệ quán thanh
tịnh được sanh khởi chiếu
phá mọi kiến trước, kiến chấp

Chi pháp: tâm sở **TUỆ QUYỀN**

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 36b

NHỊ ĐỀ KIẾN TỊNH
Chiết bán mà hữu dư

38/ DIṬṬHIVISUDDHIKHOPANA
YATHĀDIṬṬHISSA CA PADHĀNAM
Kiến tịnh kiên cố, Tinh tấn của kiến tịnh

38a/ KIẾN TỊNH KIÊN CỐ
DIṬṬHIVISUDDHIKHOPANA
Pháp làm tuệ quán vững chắc,
kiên cố

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN**

TẤT CẢ
CHI PHÁP
KIẾN TỊNH
KIÊN CỐ
TÍNH
THEO

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 trong 3 để tùy theo:**
+ **Khổ đế:** tâm sở Tuệ quyền
hoặc **Đạo đế:** tâm sở Tuệ quyền
hoặc **NGOẠI ĐẾ:** tâm sở Tuệ quyền

38b/ TINH TẤN CỦA KIẾN
TỊNH - YATHĀDIṬṬHISSA CA
PADHĀNAM
Pháp làm cho gắng thêm lên do
mãnh lực của trí tuệ trong sạch

Chi pháp: **tâm sở CẦN**

TẤT CẢ
CHI PHÁP
TINH TẤN
CỦA KIẾN
TỊNH
TÍNH
THEO

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Cần

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Cần

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Cần

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 trong 3 để tùy theo:**
+ **Khổ đế/ hoặc Đạo đế/ hoặc NGOẠI ĐẾ:** tâm sở Cần

NHỊ ĐỀ KHỔ QUÁN
Chiết bán mà hữu dư

**39/ SAṂVEGOCA SAṂVEJANIYESU
ṬHĀNESU, SAṂVIGGASSA CA YONISO
PADHĀNAM**

Tứ khổ năng duyên khổ quán, Tinh tấn
thiện xảo năng duyên

**39a/ TỨ KHỔ NĂNG DUYÊN
KHỔ QUÁN**

SAṂVEGOCA
SAṂVEJANIYESU ṬHĀNESU
Pháp làm cho phát sanh trí
tuệ chán nản ngũ uẩn khi
quan sát về sự Sanh, Già,
Đau, Chết

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN** (hiệp với tâm
Thiện Dục giới trong lúc đang tu)

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 38a

**39b/ TINH TẤN THIỆN XẢO
NĂNG DUYÊN**

SAṂVIGGASSA CA YONISO
PADHĀNAM
Pháp khéo léo chuyên cần
quán sự khổ cho phát sanh trí
tuệ nhằm chán các pháp hữu
vi

Chi pháp: **tâm sở CẦN**

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 38b

NHỊ ĐỀ VÔ BẢO THIỆN

Chiết bán mà hữu dư

**40/ ASANTUṬṬHITĀCA KUSALESU
DHAMMESU, APPAṬIVĀNITĀ CA
PADHĀNASMIṆ**

Thái độ không tri túc thiện pháp và Thái độ không thối thất tinh cần

**40a/ THÁI ĐỘ KHÔNG TRI
TÚC THIỆN PHÁP**

ASANTUṬṬHITĀCA KUSALESU
DHAMMESU

Pháp làm cho thành người tri túc với 4 món vật dụng nhưng không tri túc trong pháp thiện

+ **TÂM:** 37 tâm (8 tâm thiện DGTH, 5 tâm thiện SG, 4 tâm thiện VSG, 20 tâm đạo Siêu thế)

+ **TÂM SỞ:** 38 tâm sở (13TSTT, 25TSTH)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
THÁI ĐỘ
KHÔNG
TRI TÚC
THIỆN
PHÁP
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:

- + **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 37 tâm
- + **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 37 tâm
- + **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
- + **Thức uẩn:** 37 tâm

↪ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- + **Ý xứ:** 37 tâm
- + **Pháp Xứ:** 38 tâm sở

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- + **Ý thức giới:** 37 tâm
- + **Pháp giới:** 38 tâm sở

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- + **Khổ đế:** 17 tâm Hiệp thế (37 tâm – 20 tâm đạo ST), 38 tâm sở hợp
- + **Đạo đế:** bát chánh đạo hợp với 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

- Tâm Đạo hợp với 28 tâm sở hợp (36ts – 8 chi đạo)

**40b/ THÁI ĐỘ KHÔNG THỐI
THẤT TINH CẦN**

APPAṬIVĀNITĀ CA
PADHĀNASMIṆ

Pháp không lui sụt trong việc tu hành

Chi pháp: tâm sở CẦN

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 38b

NHỊ ĐỀ MINH
Chiết bán mà hữu dư

41/ VIJJĀCA, VIMUTTICA
Minh và Giải thoát

41a/ MINH - VIJJĀCA
Pháp làm tỏ ngộ chân lý, quán
triệt vạn pháp dứt tuyệt Vô
minh

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN** (hiệp trong các
tâm diệu trí)

Đối chiếu: Uẩn, Xứ, Giới, Đế:
giống câu 38a

41b/ GIẢI THOÁT
VIMUTTICA
Pháp làm cho thoát ly trần cái

+ **TÂM: 18 tâm** (5 thiện SG, 5 duy tác SG, 4
thiện VSG, 4 duy tác VSG)

+ **TÂM SỞ: 35 tâm sở** (13TSTT, 19TSTHBH,
2VLP, Tuệ quyền)

+ **NIẾT BÀN**

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
GIẢI
THOÁT
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn (trừ Sắc uẩn), gồm:**
+ **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp với 37 tâm
+ **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp với 37 tâm
+ **Hành uẩn:** 33 tâm sở (35 tâm sở - ts Thọ - ts Tưởng)
+ **Thức uẩn:** 18 tâm
NGOẠI UẨN: Niết bàn

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**
+ **Ý xứ:** 18 tâm
+ **Pháp Xứ:** 35 tâm sở, Niết bàn

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**
+ **Ý thức giới:** 18 tâm
+ **Pháp giới:** 35 tâm sở, Niết bàn

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**
+ **Khổ đế:** 18 tâm Hiệp thế, 35 tâm sở hợp
+ **Diệt đế:** Niết bàn

NHỊ ĐỀ DIỆT TRÍ
Chiết bán mà hữu dư

42/ KHAYEÑĀṆAṀ, ANUPPĀDE ÑĀṆANTI

Trí đoạn tận và Trí vô sanh

42a/ TRÍ ĐOẠN TẬN

KHAYEÑĀṆAṀ

Pháp đang dứt trừ phiền não
nhất là Vô minh

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN** (hiệp trong 20
tâm Đạo)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
TRÍ ĐOẠN
TẬN TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**
+ **Đạo đế:** tâm sở Tuệ quyền

42b/ TRÍ VÔ SANH

ANUPPĀDE ÑĀṆANTI

Pháp làm sáng suốt đã sát trừ
xong phiền não

Chi pháp: **tâm sở TUỆ QUYỀN** (hiệp trong 20
tâm Quả)

**TẤT CẢ
CHI PHÁP
TRÍ VÔ
SANH
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn:**
+ **Hành uẩn:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **12 XỨ: có 1 xứ:**
+ **Pháp xứ:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **18 GIỚI: có 1 giới:**
+ **Pháp giới:** tâm sở Tuệ quyền

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: chỉ có:**
NGOẠI ĐẾ: tâm sở Tuệ quyền